TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **246**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 26-8-2024
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Thi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Quách Trung Sơn.

2. Bà Nguyễn Mai Lý.

-Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Liêu- Thư ký Tòa án nhân dân huyện , tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện , tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Hương Linh- Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện , tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 290/2024/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2024 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 187/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lê Tuyết T** sinh năm 1988 (vắng mặt).

Địa chỉ: Xã ĐHH, huyện , tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Anh **Trần Ngọc D** sinh năm 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ: Xã ĐHH, huyện , tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Lê Tuyết T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Ngọc D chung sống với nhau vào khoảng năm 2008-2009, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐHH vào năm 2011. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn do anh D thường xuyên gây nợ nần (chị đã trả nợ nhiều lần) và quá mê chơi game bắn cá, đã 06 lần cầm xe để có tiền chơi game nên vợ

chồng thường xảy ra cự cãi và sống ly thân từ tháng 5/2024 cho đến nay. Nay yêu cầu được ly hôn với anh D.

- Về con chung: Có 02 con chung là Trần Lê Minh K sinh ngày 24/3/2011 và Trần Lê Minh K1 sinh ngày 19/11/2012. Hiện nay 02 con đang sống với chị, chị yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị phụ chị ruột của chị mua bán rau cải ở chợ Phú An, thu nhập khoảng 5.000.000 đồng/tháng, đủ để nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn là anh Trần Ngọc D đã được tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không đến Tòa án, không có ý kiến và yêu cầu gì.

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân theo đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự. Đương sự thực hiện hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Tuyết T, cho chị T được ly hôn với anh D, giao 02 con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các qui định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc vắng mặt đương sự: Anh Trần Ngọc D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, chị Lê Tuyết T vắng mặt và có yêu cầu vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xử vắng mặt chị T và anh D.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh D chung sống với nhau vào khoảng năm 2008-2009, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐHH vào ngày 14/3/2011 nên là hôn nhân hợp pháp. Chị T cho rằng vợ chồng sống phát sinh mâu thuẫn từ năm 2013, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh D thường xuyên gây nợ nần (chị đã trả nợ nhiều lần) và quá mê chơi game bắn cá, đã 06 lần cầm xe để có tiền chơi game nên vợ chồng thường xảy ra cự cãi và sống ly thân từ tháng 5/2024. Theo xác nhận của chính quyền địa phương thì nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị T và anh D là do anh D không lo làm ăn, thường xuyên mê chơi game bắn cá, vợ chồng thường xảy ra cự cãi mà lý ra anh D phải yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ vợ con. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu ly hôn

của chị T là có cơ sở, phù hợp với Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Xét thấy, hiện cháu K và K1 đang sống với chị T, chị T có đủ điều kiện để nuôi con chung, anh D không có ý kiến phản đối và hai con chung cũng có nguyện vọng được sống với chị T nếu chị T và anh D ly hôn. Do đó để đảm bảo ổn định cuộc sống và quyền lợi của cháu K và cháu K1 nên Hội đồng xét xử quyết định giao cháu K và cháu K1 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng: Do chị T không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản và nợ chung: Chị T trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo qui định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Tuyết T.

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Tuyết T được ly hôn với anh Trần Ngọc D.

Về con chung: Giao con chung là Trần Lê Minh K sinh ngày 24/3/2011 và Trần Lê Minh K1 sinh ngày 19/11/2012 cho chị Lê Tuyết T được trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lê Tuyết T phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000đồng tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu số 0015394 ngày 23/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện , chị T đã nộp xong án phí.

4. Quyền kháng cáo: Thời hạn kháng cáo bản án là 15 ngày; đối với chị Lê Tuyết T và anh Trần Ngọc D được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện ;
- THADS huyện ;
- UBND xã ĐHH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hoàng Thi